TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2020.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hoàng
2. Bà Đỗ Thị Liêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thành – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1997.

Trú tại:Thôn L, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1995.

Trú tại: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Nguyên đơn chị L có mặt; bị đơn anh Q vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Chị L và anh Nguyễn Thanh Q tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q không lo làm ăn, suốt ngày ăn chơi, nhậu nhẹt với bạn bè. Ngoài ra anh Q còn nghiện ma túy bị bắt đi cai nghiện bắt buộc nên vợ chồng chị đã ly thân nhau một thời gian dài, không còn quan tâm gì đến nhau. Đến cuối năm 2019, sau khi hết thời gian cai nghiện anh Q muốn quay lại với chị nhưng chị không đồng ý từ đó

mâu thuẫn giữa vợ chồng chị thêm trầm trọng hơn. Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Q.

- Về con chung: Theo chị L khai vợ chồng anh chị có 01 con chung tên là: Nguyễn Quốc H, sinh ngày 13/3/2016. Nguyện vọng của chị L là xin nuôi con chung đến 18 tuổi, trưởng thành, không yêu cầu anh Q dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị L khai vợ chồng không có tài sản chung.

- Nợ chung: Chị L khai không nợ ai.

* Bị đơn anh Nguyễn Thanh Q không đến Tòa, không có bản tự khai, không có lời trình bày tại biên bản hòa giải. Tòa án đã tiến hành niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Q.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L giao con chung là cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Nguyễn Thanh Q cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Niêm yết tại nhà và tại UBND xã B, huyện T nơi bị đơn cư trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định tại Điều 227 Bộ luật số tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thanh Q có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 26 do Uỷ ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 20/4/2016 nên xác định chị L và anh Q là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L xác định vợ

chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q không lo làm ăn, suốt ngày ăn chơi, nhậu nhẹt với bạn bè. Ngoài ra anh Q còn nghiện ma túy và đi cai nghiện bắt buộc. Từ đó vợ chồng anh chị sống ly thân nhau một thời gian dài, không còn quan tâm gì đến nhau, vợ chồng phần ai nấy sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án muốn hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống làm ăn nuôi con, nhưng anh Q không đến Tòa án để làm việc. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ L xin được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Q.

[3] Về con chung: Theo chị L khai và căn cứ vào giấy khai sinh xác định trong thời kỳ hôn nhân và quá trình chung sống, vợ chồng chị L và anh Quốc có 01 con chung tên là: Nguyễn Quốc H, sinh ngày 13/3/2016. Nguyện vọng của chị L là xin nuôi con chung đến 18 tuổi, trưởng thành, không yêu cầu anh Q dưỡng nuôi con chung. Do bị đơn anh Nguyễn Thanh Q vắng mặt, Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh Q có muốn nuôi con hay không. Trong khi cháu H từ trước đến nay sống ổn định với chị L. Chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy anh Q thực sự không mong muốn được nuôi con nên không đến Tòa án để có lời trình bày. Do vậy không thể giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và đúng pháp luật.

[4]Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị L khai vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị L khai vợ chồng không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu số tiền: 300.000^{đ}(Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền: 300.000^{đ}(Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lại thu số 0005341 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L. Chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Q.

2. Về con chung, nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung:

- Xác định vợ chồng chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thanh Q có 01 con chung tên là: Nguyễn Quốc H, sinh ngày 13/3/2016.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L. Giao cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 13/3/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị L khai vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị L khai vợ chồng không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu số tiền: 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lại thu số 0005341 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THA.DS huyện T;*
- *UBND xã D, h. D.*
- *Các bên đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên,đóng dấu)

Đặng Phùng Thành